

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**SỞ TÀI CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4379/STC-THTK&QLN  
V/v công khai tình hình thực hiện  
thu chi ngân sách nhà nước 06  
tháng đầu năm 2023

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 7 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố

Căn cứ Điều 15 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định về công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân thành phố số liệu và nội dung thuyết minh tình hình thực hiện thu chi ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm 2023 để thực hiện công khai ngân sách theo quy định Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Nội dung công khai tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2023 bao gồm:

- Báo cáo thuyết minh tình hình ước thực hiện ngân sách thành phố Hồ Chí Minh 06 tháng đầu năm 2023.
- Số liệu tình hình ước thực hiện ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm 2023.

Kính trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TH-TK&QLN.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Trần Phú**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

Về công khai tình hình thực hiện  
thu chi ngân sách nhà nước  
06 tháng đầu năm 2023

**DỰ THẢO**

Kính gửi: - Sở Thông tin và Truyền thông;  
- Sở Tài chính.

Thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với cấp ngân sách; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Công văn số 9505/BTC-NSNN ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính về công khai ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ báo cáo tình hình thực hiện thu – chi ngân sách thành phố 06 tháng đầu năm 2023 theo báo cáo của Sở Tài chính tại Công văn số ngày tháng năm 2023; Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo như sau:

1. Thống nhất công khai tình hình thực hiện thu – chi ngân sách thành phố 06 tháng đầu năm 2023 (đính kèm)

2. Giao Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện công khai số liệu và thuyết minh ước thực hiện thu – chi ngân sách 06 tháng đầu năm 2023 trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính và Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTUB: CT, PCT/TT;
- VPUB: CVP, PVP/KT;
- Phòng KT;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	CÙNG KỶ	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B		1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS)</b>	<b>57.277.661</b>	<b>117.026.618</b>	<b>58.212.795</b>	<b>49,74</b>	<b>101,63</b>
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	22.856.852	39.140.500	15.595.923	39,85	68,23
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	26.191.851	51.156.798	26.006.740	50,84	99,29
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
4	Thu kết dư năm trước					
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	6.037.602	10.816.014	2.265.450	20,95	37,52
6	Thu viện trợ		306.971	166	0,05	
7	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	2.181.163	15.606.335	14.340.583	91,89	657,47
8	Thu bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương đưa vào cân đối chi thường xuyên					
9	Các khoản huy động, đóng góp	10.193	0	3.933		38,59
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS)</b>	<b>26.203.395</b>	<b>126.342.718</b>	<b>44.789.175</b>	<b>35,45</b>	<b>170,93</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>25.094.805</b>	<b>110.736.383</b>	<b>32.552.758</b>	<b>29,40</b>	<b>129,72</b>
1	Chi đầu tư phát triển	6.030.274	46.038.661	11.483.806	24,94	190,44
2	Chi thường xuyên	18.967.645	60.127.000	20.942.193	34,83	110,41
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	85.486	1.159.322	126.759	10,93	148,28
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400	11.400	0		
5	Dự phòng ngân sách	0	3.400.000	0		
6	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	0	0	0		
<b>III</b>	<b>Chi Chương trình mục tiêu</b>	<b>1.108.590</b>	<b>15.606.335</b>	<b>12.236.417</b>	<b>78,41</b>	<b>1.103,78</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>					
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>	<b>315.589</b>	<b>1.038.693</b>	<b>135.232</b>	<b>13,02</b>	<b>42,85</b>

## ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	CÙNG KỲ	DỰ TOÁN NĂM 2023	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B		1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS địa phương)</b>	<b>244.426.935</b>	<b>469.681.971</b>	<b>227.872.430</b>	<b>48,52</b>	<b>93,23</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>159.636.236</b>	<b>307.575.000</b>	<b>150.688.463</b>	<b>48,99</b>	<b>94,39</b>
1	Thu từ khu vực DNNN	15.452.062	31.108.000	14.737.843	47,38	95,38
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	36.683.759	75.960.000	35.617.454	46,89	97,09
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	44.548.544	87.100.000	46.977.316	53,93	105,45
4	Thuế thu nhập cá nhân	31.942.047	57.000.000	30.911.280	54,23	96,77
5	Thuế bảo vệ môi trường	4.766.264	10.000.000	2.391.372	23,91	50,17
6	Lệ phí trước bạ	4.109.908	6.700.000	2.897.475	43,25	70,50
7	Các loại phí, lệ phí	3.158.619	7.000.000	4.011.386	57,31	127,00
8	Các khoản thu về nhà, đất	12.500.710	18.495.000	4.638.873	25,08	37,11
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	189				0,00
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	147.901	350.000	100.451	28,70	67,92
-	Thu tiền sử dụng đất	8.623.718	12.845.000	2.460.749	19,16	28,53
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	3.657.218	5.000.000	2.047.528	40,95	55,99
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	71.684	300.000	30.145	10,05	42,05
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	16.361	32.000	12.902	40,32	78,86
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	1.082.021	7.150.000	2.636.128	36,87	243,63
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	2.348.155	4.000.000	2.373.875	59,35	101,10
12	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi công sản khác, thu từ bán tài sản nhà nước và thu khác	3.027.786	3.030.000	3.482.559	114,94	115,02
<b>II</b>	<b>Thu từ đầu thô</b>	<b>13.872.797</b>	<b>16.000.000</b>	<b>12.938.168</b>	<b>80,86</b>	<b>93,26</b>
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>70.907.709</b>	<b>145.800.000</b>	<b>64.241.700</b>	<b>44,06</b>	<b>90,60</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	47.917.356	94.600.000	41.398.037	43,76	86,39
2	Thuế XNK, thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	22.616.547	51.190.000	22.591.021	44,13	99,89
3	Thu khác	373.806	10.000	252.642	2.526,42	67,59
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>		<b>306.971</b>	<b>166</b>	<b>0,05</b>	
<b>V</b>	<b>Các khoản huy động, đóng góp</b>	<b>10.193</b>		<b>3.933</b>		<b>38,59</b>
<b>B</b>	<b>THU NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS địa phương)</b>	<b>57.277.661</b>	<b>117.026.618</b>	<b>58.212.795</b>	<b>49,74</b>	<b>101,63</b>
1	Thu NSDP theo phân cấp:	49.048.703	90.297.298	41.602.663	46,07	84,82
-	Từ các khoản thu phân chia	26.191.851	51.156.798	26.006.740	50,84	99,29
-	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	22.856.852	39.140.500	15.595.923	39,85	68,23
2	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	6.037.602	10.816.014	2.265.450	20,95	37,52
3	Thu viện trợ		306.971	166	0,05	
4	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	2.181.163	15.606.335	14.340.583	91,89	657,47
5	Thu bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương đưa vào cân đối chi thường xuyên					
6	Các khoản huy động, đóng góp	10.193		3.933		38,59



## ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG	CÙNG KỲ	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ
					NĂM TRƯỚC
B		1	2	3=2/1	4
<b>TỔNG CHI NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS)</b>	<b>26.203.395</b>	<b>126.342.718</b>	<b>44.789.175</b>	<b>35,45</b>	<b>170,93</b>
<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>25.094.805</b>	<b>110.736.383</b>	<b>32.552.758</b>	<b>29,40</b>	<b>129,72</b>
<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>6.030.274</b>	<b>46.038.661</b>	<b>11.483.806</b>	<b>24,94</b>	<b>190,44</b>
Chi đầu tư cho các dự án	5.893.470		11.413.353		193,66
Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	7.250		15.000		206,90
Chi đầu tư phát triển khác (hỗ trợ lãi suất kích cầu)	129.554		55.453		42,80
<b>Chi thường xuyên</b>	<b>18.967.645</b>	<b>60.127.000</b>	<b>20.942.193</b>	<b>34,83</b>	<b>110,41</b>
Trong đó:					
Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.971.991	21.020.920	7.256.791	34,52	121,51
Chi khoa học và công nghệ	499.293	960.502	344.770	35,89	69,05
Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.021.615	6.300.042	1.216.776	19,31	60,19
Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	185.791	897.168	238.808	26,62	128,54
Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	26.373	82.451	27.502	33,36	104,28
Chi sự nghiệp thể dục thể thao	189.085	770.712	239.029	31,01	126,41
Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.816.476	4.044.693	1.787.477	44,19	98,40
Chi sự nghiệp kinh tế	2.253.479	9.997.625	2.441.061	24,42	108,32
Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	2.972.333	9.998.032	3.771.295	37,72	126,88
Chi bảo đảm xã hội	2.384.249	3.760.073	2.751.851	73,19	115,42
<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>85.486</b>	<b>1.159.322</b>	<b>126.759</b>	<b>10,93</b>	<b>148,28</b>
<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>11.400</b>	<b>11.400</b>		-	<b>0,00</b>
<b>Dự phòng ngân sách</b>		<b>3.400.000</b>		-	
<b>Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương</b>		<b>0</b>			
<b>CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>1.108.590</b>	<b>15.606.335</b>	<b>12.236.417</b>	<b>78,41</b>	<b>1.103,78</b>
Chương trình mục tiêu quốc gia	0	0	-		
Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	994.235	15.292.981	12.227.896	79,96	1.229,88
Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	114.355	313.354	8.521	2,72	7,45

**BÁO CÁO THUYẾT MINH  
TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN NGÂN SÁCH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2570/QĐ-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023;

Tình hình ước thực hiện thu – chi ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn Thành phố như sau:

**1. Kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:**

Năm 2023, dự toán thu ngân sách tăng 20% so với dự toán thu ngân sách 2022, dự toán chi ngân sách địa phương tăng 26% so với dự toán chi ngân sách năm 2022; trong khi đó, dự kiến xu hướng kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, nguy cơ suy thoái kinh tế và các rủi ro về tài chính, tiền tệ, lạm phát gia tăng. Bên cạnh thời cơ, thuận lợi, kinh tế Thành phố sẽ có khó khăn, thách thức đan xen nhưng dự kiến khó khăn, thách thức nhiều hơn.

Kết quả thu ngân sách nhà nước ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

**1.1.** Tổng thu NSNN ước thực hiện là 227.872,430 tỷ đồng, đạt 48,52% dự toán năm và bằng 93,23% so cùng kỳ. Trong đó:

- Thu nội địa: ước thực hiện 150.688,463 tỷ đồng, đạt 48,99% dự toán, bằng 94,39% so cùng kỳ.

- Thu từ dầu thô: ước thực hiện 12.938,168 tỷ đồng, đạt 80,86% dự toán, bằng 93,26% so cùng kỳ.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: ước thực hiện 64.241,7 tỷ đồng, đạt 44,06% dự toán, bằng 90,60% so cùng kỳ.

**1.2.** Thu ngân sách địa phương: ước thực hiện 58.212,795 tỷ đồng, đạt 49,74% dự toán, tăng 1,63% so cùng kỳ.

**2. Chi ngân sách địa phương:**



Ước chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2023 (không tính tạm ứng và chuyển giao giữa các cấp ngân sách) là 44.789,175 tỷ đồng, đạt 35,45% dự toán, tăng 70,93% so cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là 11.483,806 tỷ đồng, đạt 24,94% dự toán, tăng 90,44% so cùng kỳ.

- Chi thường xuyên là 20.942,193 tỷ đồng, đạt 34,83% dự toán, tăng 10,41% so cùng kỳ.

Trên cơ sở Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố, Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về giao dự toán thu – chi ngân sách 2023, các quy định hiện hành, ngành tài chính thành phố đã thực hiện phân bổ trên hệ thống và thực hiện kiểm soát chi theo đúng định mức và dự toán được duyệt.